

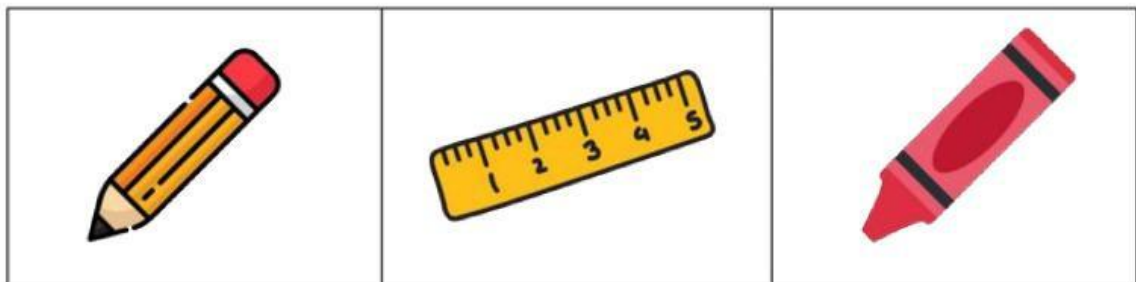
REVIEW 1 – STARTER

Part 1: Listen and choose the correct answer (Nghe và chọn đáp án chính xác)

1,



2,



3,



4,

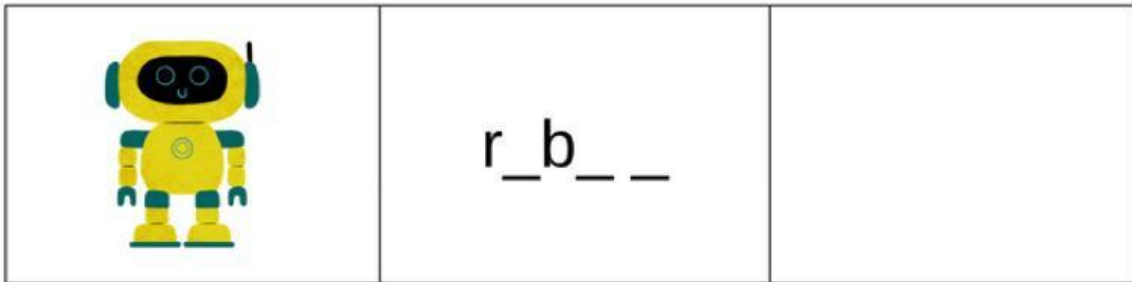


5,

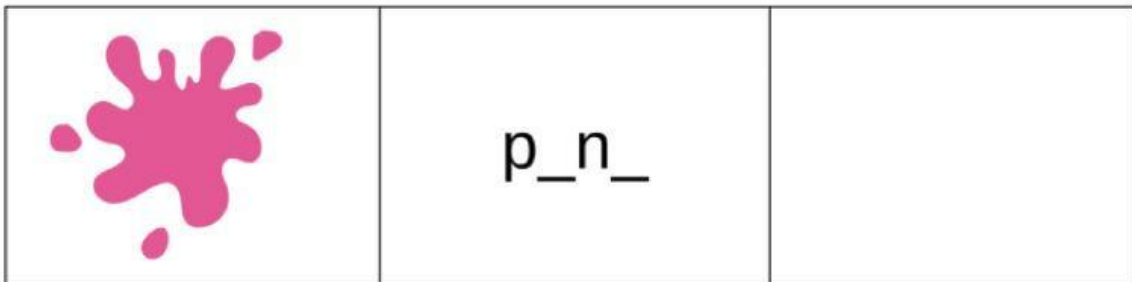


Part 2: Complete the words (Hoàn thành các từ)

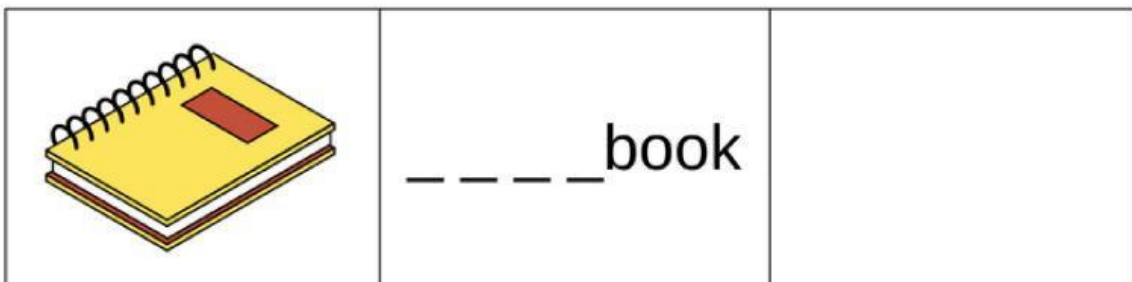
6,




7,




8,




9,

	ba _ _ oo _	
---	-------------	--


10,

	_ ul _ _	
---	----------	--


11,

	pe _ _ _ _ c _ s _	
---	--------------------	--


12,

	or _ _ g _	
---	------------	--


13,

	_es_	
---	------	--


14,

	p_pp_ _	
---	---------	--

15,

	_ _ai_	
---	--------	--

16,

	pu_ _ _e	
---	----------	--

Part 3: Put the words in order to make correct sentences (Sắp xếp các từ để tạo thành câu đúng.)

17, colour / What / it? / is

18, It / pencil. / is / a

19, is / this? / What

20, blue. / It / is

21, a / Is / plane? / it

22, chair. / a / It's

23, isn't. / No, it

24, Is / teddy? / it / a

Part 4: Choose the odd one out (Chọn từ khác loại)

25, A. green B. brown C. toys D. grey

26, A. purple B. plane C. balloon D. puppet

27, A. pencil case B. crayon C. notebook D. teddy

- 28, A. desk B. black C. chair D. ruler
- 29, A. red B. yellow C. school things D. orange
- 30, A. pencil B. brown C. white D. blue

Part 5: Match the questions with the correct answers

(Nối câu hỏi với câu trả lời thích hợp)

- | | |
|-----------------------|---------------------|
| 1. What is your name? | A. It's red. |
| 2. What's this? | B. It's a notebook. |
| 3. What colour is it? | C. Yes, it is. |
| 4. Is it a puppet? | D. My name is Tom. |